

33-GIẢI THÍCH BỐN VÔ LƯỢNG TÂM

Bốn vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Từ là ái niệm chúng sanh; thường tìm việc vui thích an ổn làm lợi ích cho chúng sanh. Bi là mẫn niệm chúng sanh phải chịu mọi sự thân khổ tâm khổ ở trong năm đường. Hỷ là muốn làm cho chúng sanh từ sự vui được hoan hỷ. Xả là xả bỏ ba thứ tâm trên, chỉ nghĩ đến chúng sanh mà không ghét không thương. Tu từ tâm để trừ giác tưởng sân hận đối với chúng sanh; tu bi tâm để trừ giác tưởng náo hại đối với chúng sanh; tu hỷ tâm để trừ sự không vui vẻ đối với chúng sanh; tu xả tâm để trừ sự yêu ghét đối với chúng sanh.

Hỏi: Trong Tứ thiền đã có Bốn vô lượng tâm, cho đến Mười nhất thiết xứ; sao nay còn nói riêng?

Đáp: Tuy trong Tứ thiền đều có các pháp đó, song nếu không nói riêng danh tự thì không nói rõ được công đức của nó; cũng như bảo vật ở trong đây, nếu không mở ra thì người ta không biết. Nếu người muốn được đại phước đức thì nói cho họ Bốn vô lượng tâm; nếu người lo sợ nhàm chán sắc như ở trong lao ngục thì nói cho họ Bốn vô sắc định; nếu người đối với các cảnh duyên không được tự tại, muốn quán cảnh duyên theo ý mình thì nói cho họ Tám thắng xứ; nếu người có bị ngăn đạo không được thấu suốt thì nói cho họ Tám bội xả; nếu người tâm không điều hòa nhu nhuyễn không thể từ thiền khởi dậy thứ lớp nhập thiền, thì nói cho họ Chín thứ đệ định; nếu người không được hết thảy cảnh duyên soi khắp để tùy ý được hiểu rõ, thì nói cho họ Mười nhất thiết xứ.

Nếu trong khi nghĩ tới mười phương chúng sanh, muốn làm cho họ được an vui; trong tâm tâm sở pháp phát sanh một pháp gọi là Từ. Thọ, tưởng, hành, thức uẩn tương ứng với Từ; ấy gọi là tâm sở pháp. Từ đó khởi lên thân nghiệp khẩu nghiệp và các tâm bất tương ứng hành, các pháp này hòa hợp, đều gọi là Từ. Do Từ mà các pháp ấy sanh; lấy Từ làm chủ, cho nên được gọi là Từ. Cũng như hết thảy tâm tâm sở pháp, tuy đều là nghiệp làm nhân duyên cho đời sau, nhưng chỉ có tâm sở Từ được gọi là nghiệp; vì trong sự tạo nghiệp, tâm sở tư có sức mạnh hơn cả. Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy.

Tâm Từ này ở tại Sắc giới hoặc hữu lậu hoặc vô lậu; hoặc có thể đoạn hoặc không thể đoạn. Từ cũng có trong căn bản thiền, cũng có trong trung gian thiền.

Từ tương ứng với ba căn hỷ, lạc, xả, trừ khổ căn, ưu căn. Các nghĩa như vậy trong A-tỳ-đàm có phân biệt nói rõ.

Chấp thủ tướng chúng sanh nên tâm Từ thành hữu lậu; thủ tướng rồi

đi vào thật tướng của các pháp, nên Từ thành vô lậu. Do vậy trong câu hỏi của Vô Tận Ý Bồ-tát nói Từ có ba thứ là chúng sanh duyên từ, pháp duyên từ và vô duyên từ.

Hỏi: Bốn vô lượng tâm này làm sao thực hành?

Đáp: Như Phật nói trong các kinh: Có vị Tỳ-kheo do tâm tương ứng với Từ: không sân không hận, không oán không não, quảng đại vô lượng, khéo tu. Tâm Từ rải khắp chúng sanh ở thế giới phương Đông; tâm Từ rải khắp chúng sanh ở mười phương thế giới, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới. Tâm tương ứng với Bi, Hỷ, Xả cũng rải khắp như vậy.

Tâm tương ứng với Từ, Từ là tâm sở pháp, có thể trừ sự rối rắm ô trược trong tâm; đó là các phiền não sân hận xan tham v.v...; ví như viên ngọc tịnh thủy bỏ vào nước, nước liền trong.

Không sân hận là, đối với chúng sanh hoặc có nhân duyên hoặc không có nhân duyên mà nổi sân; hoặc muốn ác khẩu mắng nhiếc, sát hại cướp đoạt, ấy gọi là sân. Chờ thời tiết, được nơi chốn, có thế lực thì sẽ làm hại, ấy gọi là hận. Lấy tâm Từ trừ hai sự ấy, gọi là vô sân vô hận.

Không oán không não là, hận tức là oán, khi mới hiềm khích là hận, hận lâu thành oán, khởi thân khẩu nghiệp làm hại gọi là não.

Lại nữa, khi mới sanh sân kết gọi là sân, sân tăng trưởng, tính toán, ôm giữ trong lòng chưa được giải quyết, gọi là hận; cũng gọi là oán. Nếu tâm đã quyết định, không còn úy kỵ gì, thì gọi là não. Lấy sức của tâm Từ trừ bỏ, xa lìa ba việc ấy, ấy gọi là không sân không hận. Phật lấy sự không sân không hận, không oán không não ấy mà tán thán tâm Từ.

Hết thấy chúng sanh đều sợ khổ mà tham vui; sân là nhân duyên của khổ, Từ là nhân duyên của vui. Chúng sanh nghe được Từ tam muội này có công năng trừ khổ, có công năng cho vui, nên nhất tâm siêng tinh tấn, thực hành Tam muội ấy. Do vậy nên không sân không hận, không oán không não.

Quảng, đại, vô lượng là, một tâm Từ mà phân biệt có ba tên: Quảng là một phương, đại là cao xa, vô lượng là hạ phương và chín phương kia.

Lại nữa, hạ phương là quảng, trung phương là đại, thượng phương là vô lượng.

Lại nữa, duyên đến tâm chúng sanh trong bốn phương gọi là quảng, duyên đến tâm chúng sanh ở bốn góc gọi là đại; duyên đến tâm của chúng sanh ở thượng hạ phương gọi là vô lượng.

Lại nữa, phá tâm sân hận gọi là quảng, phá tâm oán gọi là đại, phá

tâm nào gọi là vô lượng.

Lại nữa, hết thấy tâm phiến não, kẻ tiểu nhân thi hành thì sanh tiểu sự, nên gọi là nhỏ. Lại nhỏ hơn thế nên gọi là sân hận, oán não. Phá cái nhỏ trong cái nhỏ ấy, gọi là quảng đại vô lượng. Vì sao? Vì đại nhân duyên thường phá được tiểu sự.

Quảng tâm là sợ tội, sợ đọa địa ngục nên trừ bỏ ác pháp trong tâm.

Đại tâm là tin ưa quả báo phước đức nên trừ bỏ điều ác trong tâm.

Vô lượng tâm là vì muốn được Niết-bàn nên trừ bỏ điều ác trong tâm.

Lại nữa, hành giả giữ giới thanh tịnh, ấy là tâm rộng; thiền định đầy đủ ấy là tâm lớn; trí tuệ thành tựu ấy là tâm lượng. Lấy Từ tâm này nghĩ đến bậc Thánh nhân đắc đạo; ấy gọi là vô lượng tâm. Dùng vô lượng pháp phân biệt bậc Thánh nhân, nghĩ tới chỗ tôn quý của chư thiên và loài người nên gọi là đại tâm. Nghĩ đến các nơi hạ tiện khác và chúng sanh trong ba ác đạo, ấy gọi là quảng tâm. Lấy tâm Từ nghĩ đến chúng sanh được thương yêu rộng hơn nghĩ đến mình, gọi là quảng tâm. Tâm từ nghĩ đến người không yêu không ghét, gọi là đại tâm. Đem tâm từ nghĩ đến kẻ oán ghét, công đức ấy rất nhiều nên gọi là vô lượng tâm.

Lại nữa, vì đối với tâm duyên cảnh hạn hẹp, nên gọi là quảng; vì đối với tâm duyên cảnh nhỏ nên gọi là đại; vì đối với tâm có lượng nên gọi là vô lượng. Phân biệt các nghĩa như vậy.

Khéo tu là, tâm Từ bền chắc. Khi mới có được tâm Từ, không gọi là tu. Chẳng phải chỉ đối với chúng sanh mình thương yêu, chẳng phải chỉ đối với chúng sanh tốt, chẳng phải chỉ đối với chúng sanh có ích cho mình, chẳng phải đối với chúng sanh trong một phương mà gọi là khéo tu. Nhưng thực hành lâu ngày được sâu xa ưa thích; đối với ba hạng chúng sanh thương, ghét và không thương không ghét, xem bình đẳng không khác. Đối với mười phương chúng sanh trong năm đường, lấy một tâm từ xem đó như cha như mẹ, như anh em, chị em con cháu, tri thức; thường cầu sự tốt đẹp cho họ; muốn làm cho họ được lợi ích an ổn.

Tâm như vậy phổ biến khắp chúng sanh trong mười phương. Tâm Từ như vậy, gọi là chúng sanh duyên từ. Tâm từ này phần nhiều hạng phàm phu, hạng hữu học chưa dứt hết lậu thực hành.

Pháp duyên từ là, hàng A-la-hán lậu tận, Bích-chi Phật và chư Phật, các bậc Thánh nhân phá hết tướng tự ngã, diệt hết tướng một và khác; chỉ quán tất cả đều do nhân duyên tương tục sanh các dục. Khi bậc Thánh thường nghĩ đến chúng sanh, thấy đều do nhân duyên hòa hợp tương tục sanh, chỉ là không. Năm uẩn tức là chúng sanh, nghĩ đến năm

uẩn ấy, nên đem từ tâm nghĩ đến chúng sanh vì không biết pháp không ấy nên thường một mặt mong muốn được vui. Thánh nhân thương xót làm cho được vui theo ý muốn. Đây là vì theo phép thế tục, nên gọi là pháp duyên từ.

Vô duyên từ là tâm Từ chỉ chư Phật mới có. Vì sao? Vì tâm chư Phật không trụ trong tánh hữu vi, vô vi; không nương tựa vào đời quá khứ, vị lai, hiện tại; biết các duyên không thật, đều là điên đảo hư dối, nên tâm không duyên gì. Song vì thấy chúng sanh không biết thật tướng của các pháp, mà phải bị qua lại năm đường, tâm đắm theo các pháp, phân biệt lấy, bỏ; nên Phật đem trí tuệ biết về thật tướng các pháp, khiến cho chúng sanh ngộ được; ấy gọi là vô duyên từ. Cũng như cấp thí cho người nghèo hoặc tài vật, hoặc vàng bạc bảo vật, hoặc như ý trân châu. Tâm Từ duyên chúng sanh, duyên pháp, duyên vô duyên cũng như vậy. Ấy là lược nói nghĩa của tâm Từ. Tâm Bi cũng như vậy, đem tâm lân mẫn xem thấy mười phương chúng sanh chịu khổ, suy nghĩ rằng: Chúng sanh thật đáng thương, chớ để chúng sanh chịu các khổ ấy, cho nên tâm không sân không hận, không oán không nã; cho đến khắp cả mười phương cũng như vậy.

Hỏi: Có ba hạng chúng sanh: Có hạng thọ vui, như chư thiên và một phần loài người; có hạng thọ khổ, như chúng sanh ở ba đường ác và một phần loài người; có hạng thọ không khổ không vui, như một ít trong năm đường. Tại sao người thực hành tâm Từ xem thấy chúng sanh đều thọ vui; người thật hành tâm Bi xem thấy hết thấy chúng sanh đều thọ khổ?

Đáp: Hành giả khi muốn học tâm Từ vô lượng thì trước tiên phát nguyện rằng: Nguyện chúng sanh được thọ các thứ vui. Nắm lấy tướng người thọ vui, nhiếp tâm vào thiền, tướng ấy dần dần tăng rộng; tức thấy chúng sanh đều thọ vui; ví như cọ lửa, trước tiên lấy cỏ mịn, phân bò khô, cho đến khi thế lửa càng lớn có thể đốt cây tươi lớn, Từ tam muội cũng như thế, khi mới phát sanh tâm nguyện Từ thì chỉ cập đến thân tộc, tri thức; đến khi tâm từ càng rộng lớn, thì kể oán người thân đồng đẳng đều thấy họ được vui; ấy là thiền định về tâm Từ được tăng trưởng thành tựu vậy. Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy.

Hỏi: Trong tâm Bi nắm lấy tướng người thọ khổ, trong tâm Hỷ nắm lấy tướng người thọ mừng; còn trong tâm Xả thì nắm lấy tướng gì?

Đáp: Nắm lấy tướng người thọ không khổ không vui. Hành giả do tâm ấy dần dần lớn rộng thì thấy hết thấy đều thọ không khổ không vui.

Hỏi: Trong ba thứ tâm Từ, Bi, Hỷ đều phải có phước đức; còn tâm

đối với chúng sanh thọ không khổ không vui thì có được lợi ích gì?

Đáp: Hành giả nghĩ rằng: Hết thấy chúng sanh khi hết vui thì bị khổ; khi đang khổ thì là khổ; nếu được không khổ không vui thì an ổn. Đó là lợi ích. Hành giả thực hành tâm Từ tâm Hỷ, thì hoặc có khi tâm tham đắm phát sanh; thực hành tâm Bi, thì hoặc có khi tâm u sầu phát sanh, vì tham và ưu nên tâm loạn. Nhập vào tâm Xả này thì trừ tâm tham và ưu ấy, tâm tham và ưu trừ nên gọi là tâm Xả.

Hỏi: Tâm Bi, tâm Xả khác nhau có thể biết được; còn tâm Từ làm cho chúng sanh vui, tâm hỷ làm cho chúng sanh mừng; vui và mừng có gì sai khác?

Đáp: Thân vui gọi là vui, tâm vui gọi là mừng. Vui tương ứng với năm thức gọi là vui, vui tương ứng với ý thức gọi là mừng. Trong năm trần sanh vui gọi là vui, trong pháp trần sanh vui gọi là mừng. Trước tiên cầu vui, nguyện cho chúng sanh đều được; từ nhân của vui làm cho chúng sanh được mừng; như người thương kẻ nghèo, trước cho bảo vật, gọi là vui, sau dạy cho buôn bán được thọ năm dục lạc gọi là mừng.

Lại nữa, nguyện cho chúng sanh được cái vui cõi Dục gọi là vui; nguyện cho chúng sanh được cái vui cõi Sắc gọi là mừng.

Lại nữa, cái vui tương ứng với năm thức ở cõi Dục gọi là vui, cái vui tương ứng với ba thức ở Sơ thiền, tất cả cái vui trong Tam thiền gọi là vui; cái vui tương ứng với ý thức ở cõi Dục và Sơ thiền, tất cả cái vui ở Nhị thiền gọi là mừng.

Vui thô gọi là vui, vui tế gọi là mừng. Khi ở trong nhân gọi là vui, khi ở trong quả gọi là mừng. Khi mới được vui gọi là vui; tâm hân hoan phát ra bên trong, tướng vui hiện ra bên ngoài, ca múa nhảy nhót, gọi là mừng. Ví như khi mới uống thuốc gọi là vui, khi thuốc ngấm khắp thân gọi là mừng.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không hòa hiệp hai tâm làm một vô lượng, mà lại chia ra làm hai pháp?

Đáp: Hành giả sơ tâm chưa nhiếp phục được, chưa có thể thương chúng sanh một cách sâu xa, nên chỉ cho vui. Khi tâm nhiếp phục, thương chúng sanh một cách sâu xa, cho nên mới cho mừng. Do vậy nên trước vui rồi sau mừng.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không theo thứ lớp “Từ” tiếp đến “Hỷ”?

Đáp: Khi thực hành tâm Từ, yêu chúng sanh như con đẻ, nguyện cho nó vui; ra khỏi Từ Tam muội nên thấy chúng sanh chịu đủ thứ khổ, mới phát tâm thâm ái thương xót chúng sanh làm cho nó được cái vui sâu xa; ví như cha mẹ tuy thương yêu con, nếu con bị bệnh nguy cấp, khi ấy

tâm thương yêu càng nặng. Bồ-tát cũng như vậy. Nhập vào tâm bi xem thấy chúng sanh khổ, sanh lòng thương xót bèn cho cái vui sâu xa. Do lẽ đó, tâm Bi ở chặng giữa.

Hỏi: Nếu tâm ái chúng sanh như vậy, sao lại còn thực hành tâm Xả?

Đáp: Hành giả thường quán sát như vậy: Thường không xả bỏ chúng sanh, mà chỉ xả bỏ ba tâm ấy. Vì cớ sao? Vì để phòng việc bỏ rơi các pháp môn khác. Cũng là do tâm Từ muốn làm chúng sanh vui, mà thực tế không làm cho vui được; tâm Bi muốn làm chúng sanh lìa khổ, mà thực tế không làm cho được lìa khổ. Khi thực hành tâm Xả cũng không thể làm cho chúng sanh được đại hỷ. Đây mới chỉ là nhớ tưởng, chứ chưa có thật sự. Muốn làm cho chúng sanh được thật sự lìa khổ được vui, thì phải phát tâm làm Phật, thực hành sáu Ba-la-mật, đầy đủ Phật pháp, mới làm cho chúng sanh được thật sự vui. Do vậy nên bỏ ba tâm ấy, mà vào tâm Xả này. Từ, Bi, Hỷ có tâm yêu thương sâu xa nên bỏ chúng sanh khổ, còn tâm Xả này dễ rời bỏ được.

Hỏi: Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật cho đến khi thành Phật, cũng không thể làm cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui; vậy tại sao chỉ nói ba tâm Từ, Bi, Hỷ ấy chỉ là sanh tâm nhớ tưởng mà không có thật sự?

Đáp: Vị Bồ-tát khi được làm Phật, tuy không thể làm cho hết thảy chúng sanh được vui, nhưng Bồ-tát phát thệ nguyện rộng lớn, từ đại nguyện ấy được quả báo phước đức lớn; nhờ được quả báo lớn nên có thể làm lợi ích lớn. Hàng phàm phu, Thanh-văn thực hành bốn vô lượng tâm, chỉ vì tự điều phục, tự lợi ích, cũng chỉ nhớ suông đến chúng sanh; còn các Bồ-tát thực hành tâm Từ là muốn làm cho chúng sanh lìa khổ được vui. Do nhân duyên của tâm Từ ấy, cũng tự được phước đức, cũng giáo hoá người khác làm phước đức. Khi thọ quả báo, hoặc Chuyển luân Thánh vương thì làm được nhiều việc lợi ích hoặc Bồ-tát xuất gia hành thiền, dẫn đạo chúng sanh, dạy cho hành thiền, được sanh vào thế giới thanh tịnh, thọ tâm vui vô lượng; hoặc khi làm Phật, cùng với vô lượng vô số chúng sanh, vào Vô-dư Niết-bàn. So với sự lợi ích của tâm nguyện suông, thì đây là lợi ích lớn; cho đến còn lưu lại Xả-lợi và pháp cũng làm lợi ích rất nhiều.

Lại nữa, nếu một đức Phật độ hết tất cả chúng sanh, thì các đức Phật khác không còn độ ai; thế là không có Phật vị lai, là dứt giống Phật. Có các lỗi như vậy, do đó có một đức Phật không độ hết tất cả chúng sanh.

Lại nữa, tính của chúng sanh từ ngu si mà có, không có thật pháp

nhất định; các đức Phật trong ba đời mười phương tìm tính chúng sanh thật không thể có được, làm sao độ hết tất cả.

Hỏi: Nếu chúng sanh là trống không, không thể độ hết, thì một ít chúng sanh cũng đều là không; làm sao có thể độ phần ít ấy?

Đáp: Tôi nói các đức Phật trong ba đời mười phương tìm thật tánh của hết thấy chúng sanh không thể được, nên không có độ; mà ông thì nạn hỏi rằng sao Phật không độ hết, thế là ông bị thua. Ông bị thua không tự cứu được, mà còn nạn hỏi rằng trong chỗ không có chúng sanh, thì nhiều và ít cùng một loại, cớ sao độ phần ít; thế là ông bị thua thêm một lần nữa.

Lại nữa, trong thật tướng đệ nhất nghĩa của các pháp thì không có chúng sanh cũng không có độ; chỉ vì theo pháp thế tục mà nói là có độ. Ông ở trong pháp thế tục tìm đệ nhất nghĩa, việc ấy không thể được; cũng như trong ngói đá tìm trân bảo là không thể được.

Lại nữa, chư Phật từ khi mới phát tâm, cho đến khi pháp tận, ở khoảng trung gian ấy, có công đức gì đều là pháp có tạo tác, có hạn có lượng, có trước có sau; cho nên có độ chúng sanh cũng phải có lượng. Không thể đem pháp theo nhân duyên quả báo có lượng mà độ hết vô lượng chúng sanh; như đại lực sĩ, thế mạnh của cây cung tuy lớn mà mũi tên bay xa thì phải rút; cũng như ngọn lửa lớn lúc kiếp tận, đốt cháy ba ngàn thế giới, sáng rực vô lượng, nhưng lâu cũng phải tắt. Bồ-tát thành Phật cũng như vậy. Từ khi mới phát tâm, cầm cây cung tinh tấn, dùng mũi tên trí tuệ, găm sâu vào Phật pháp, làm Phật sự to lớn cũng sẽ phải dứt. Khi Bồ-tát được Nhất thế chủng trí, thân phóng ra ánh sáng, chiếu soi vô lượng thế giới; mỗi mỗi ánh sáng biến hóa làm vô lượng thân, độ mười phương vô lượng chúng sanh. Sau khi nhập Niết-bàn, Xá-lợi và tám vạn bốn ngàn pháp tu hóa độ chúng sanh; ví như ngọn lửa lúc kiếp tận chiếu ra, lâu cũng phải dứt.

Hỏi: Ông tự nói ánh sáng biến hóa làm vô lượng thân, để độ mười phương vô lượng chúng sanh; nay sao lại nói vì nhân duyên có lượng nên độ chúng sanh cũng có lượng?

Đáp: Vô lượng có hai thứ:

1- Thật vô lượng. Các Thánh nhân không thể lượng được; ví như hư không, Niết-bàn, tính chúng sanh; đó là không thể lường.

2- Pháp có thể lượng nhưng vì sức kém không lường được; như núi Tu-di, nước biển cả, cân lượng, số giọt nhiều ít, chư Phật Bồ-tát biết được; còn chư thiên và người đời không thể biết được. Phật độ chúng sanh cũng như vậy.

Các đức Phật biết được nhưng chẳng phải các ông biết được, cho nên nói là vô lượng.

Lại nữa, các pháp nhân duyên hòa hiệp sanh, không có tự tánh; tự tánh không có cho nên thường không; trong thường không, không thể có chúng sanh được, như Phật nói:

*Khi ta ngồi đạo tràng,
Trí tuệ không thể được,
Tay không gạt trẻ nhỏ,
Để độ thoát hết thầy.
Thật tướng của các pháp,
Là tướng của chúng sanh,
Nếu nắm tướng chúng sanh,
Thời xa lìa thật đạo.
Thường niệm tướng “thường không”,
Người ấy chẳng hành đạo,
Trong pháp không sanh diệt,
Mà khởi tướng phân biệt,
Nếu phân biệt nhớ tướng,
Ấy chính là lưới Ma,
Không động, không nương tựa,
Ấy chính là pháp ấn.*

Hỏi: Nếu vui có hai phần là tâm Từ và tâm Hỷ thì Tâm Bi quán khổ sao không có hai phần?

Đáp: Vui là điều mà chúng sanh ưa thích nhất nên có hai phần; còn khổ thì chúng sanh không thích không nhớ nên không có hai phần. Lại khi thọ vui, tâm mềm; khi thọ khổ, tâm cứng. Như Vi-đà-du em của vua A-dục, được phép làm vua cõi Diêm-phù-đề trong bảy ngày, với năm dục thượng diệu tùy ý thụ hưởng. Qua khỏi bảy ngày, vua A-dục hỏi: “vua Diêm-phù-đề hưởng vui sung sướng chăng?” Đáp: “Em không thấy, không nghe, không biết. Vì sao? Tên Chiên-đà-la cứ mỗi ngày rung linh hô lớn: “Trong bảy ngày đã qua đi một, hai v.v... ngày, quá bảy ngày thì ông phải chết”. Em nghe âm thanh ấy nên tuy làm vua Diêm-phù-đề có đầy đủ năm dục thượng diệu, nhưng vì nỗi lo khổ sâu xa mà không nghe không thấy gì cả.”

Do đó nên biết thế lực của khổ nhiều, thế lực của vui yếu. Nếu người toàn thân thọ vui, mà chỉ bị đâm một chỗ, là sự vui đều biến mất, chỉ còn thấy khổ; vì thế lực của vui yếu vậy. Sự vui có hai phần là ma-nh; nhưng thế lực của khổ nhiều, nên chỉ một chỗ khổ cũng đủ thấy rõ

ràng.

Hỏi: Thực hành Bốn vô lượng tâm ấy được quả báo gì?

Đáp: Phật nói: Vào Từ tam muội, hiện tại được năm công đức là: Vào lửa không cháy, trúng độc không chết, binh đao không tổn thương, trọn đời không bị hoạnh tử và thiện thần ủng hộ; do làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh nên được vô lượng phước đức ấy. Do tâm hữu lậu vô lượng duyên theo chúng sanh ấy nên được sanh chỗ thanh tịnh; đó là Sắc giới.

Hỏi: Sao Phật nói quả báo của tâm Từ được sanh vào cõi Phạm-thiên?

Đáp: Vì Phạm-thiên là chỗ chúng sanh tôn quý, ai nấy đều nghe đều biết. Phật ở nước Thiên Trúc, tại nước Thiên Trúc thường có nhiều Bà-la-môn; mà pháp của Bà-la-môn hễ có phước đức gì đều nguyện sanh cõi Phạm-thiên. Nếu chúng sanh nghe nói hành Từ tâm được sanh cõi Phạm-thiên, thì đa số theo thực hành pháp Từ. Do vậy Phật nói hành Từ sanh Phạm-thiên.

Lại nữa, vì trời dứt bỏ dâm dục đều gọi là Phạm vậy, và nói Phạm là gồm cả Sắc giới. Do vậy nên đoạn dâm dục gọi là phạm hạnh. Lìa dục cũng gọi là Phạm. Nếu nói Phạm thì gồm cả Tứ thiên, Tứ vô sắc định.

Lại nữa, giác và quán khó dứt nên không nói theo tên cõi trên; ví như trong năm giới, về giới miệng chỉ có nói một điều bất vọng ngữ, là đã gồm cả ba điều kia.

Hỏi: Tâm Từ có năm công đức: tâm Bi, Hỷ, Xả sao không nói có công đức?

Đáp: Như trên đã ví dụ, nói một là gồm cả ba. Đây cũng như vậy, nếu nói Từ là đã nói Bi, Hỷ, Xả.

Lại nữa, Từ là chơn vô lượng, Từ ví như vua; ba sự kia là tùy tùng như nhân dân. Vì sao? Vì trước lấy tâm Từ muốn làm cho chúng sanh được vui; khi thấy có kẻ không được vui mới sanh tâm Bi muốn làm cho chúng sanh lìa khổ; tâm được pháp lạc, cho nên sanh tâm mừng. Đối với ba việc không ghét không yêu, không tham không ưu, cho nên sanh tâm Xả.

Lại nữa, Từ là đem vui cho chúng sanh, nên trong kinh Tăng-nhất A-hàm nói Từ có năm công đức. Tâm Bi như trong kinh Đại thừa, nơi nơi đều nói công đức của Bi; như trong Kinh Vông Minh Bồ-tát nói rằng: Bồ-tát ở giữa chúng sanh thực hành ba mươi hai thứ Bi, dần dần lớn rộng chuyển thành đại Bi. Đại Bi là cội gốc công đức của hết thảy chư Phật, Bồ-tát; là mẹ của Bát-nhã Ba-la-mật; là tổ mẫu của chư Phật. Bồ-tát do

tâm đại bi nên được Bát-nhã Ba-la-mật; được Bát-nhã Ba-la-mật nên được làm Phật. Như vậy nhiều cách tán thán tâm đại Bi. Tâm Hỷ, tâm Xả các chỗ khác cũng có tán thán. Hai tâm Từ, Bi biến khắp to lớn nên tán thán công đức nó; vì Từ là công đức khó có, vì Bi là có khả năng thành tựu đại nghiệp.

Hỏi: Phật nói bốn công đức vô lượng, Từ tâm giỏi tu, khéo tu, được phước cùng tột đến Biến-tịnh-thiên; Bi tâm giỏi tu, khéo tu, được phước cùng tột đến Hư-không-vô-biên-xứ; Hỷ tâm giỏi tu, khéo tu, được phước cùng tột đến Thức-vô-biên-xứ; Xả tâm giỏi tu, khéo tu, được phước cùng tột đến Vô-sở-hữu-xứ. Sao đây nói quả báo của Từ tâm được sanh cõi trời Phạm-thiên?

Đáp: Pháp của chư Phật không thể tư nghì, tùy mỗi chúng sanh đáng được độ như thế nào thì nói như thế ấy.

Lại nữa, từ nơi Từ định khởi dậy hồi hướng đến đệ Tam thiên đế; từ nơi Bi định khởi dậy hồi hướng đến Hư-không-vô-biên-xứ đế; từ nơi Hỷ định khởi dậy mà nhập vào Thức-vô-biên-xứ đế; từ nơi Xả định khởi dậy hồi hướng mà nhập vào Vô-sở-hữu-xứ đế.

Lại nữa, tâm Từ nguyện làm cho chúng sanh được vui, quả báo ấy tự nhiên được thọ vui. Trong ba cõi, cõi trời Biến tịnh là rất vui vậy, nên nói phước cùng tột đến Biến tịnh thiên. Bi tâm quán thấy chúng sanh bị khổ sanh già bệnh chết, tàn hại, hành giả sanh tâm thương xót, làm thế nào để họ được lìa khổ? Nếu trừ nội khổ, thì ngoại khổ lại đến. Hành giả suy nghĩ: “Có thân là có khổ; chỉ có vô thân mới là không khổ”. Hư không có thể phá sắc, cho nên phước cùng tột là đến Hư-không-vô-biên-xứ. Tâm Hỷ muốn cho chúng sanh tâm thức được vui, người tâm thức được vui là tâm được lìa thân; như chim ra khỏi lồng. Tâm ở Hư-không-xứ, tuy được lìa khỏi thân mà tâm còn buộc nơi hư không. Thức xứ vô lượng, ở trong hết thấy pháp đều có tâm thức, thức được tự tại vô biên; do vậy nên phước cùng tột của Hỷ tâm là ở tại Thức-vô-biên-xứ.

Xả tâm là xả khổ lạc trong chúng sanh. Khổ lạc đã xả nên được chơn xả pháp; đó là Vô-sở-hữu-xứ. Do vậy nên phước của tâm xả cùng tột đến Vô-sở-hữu-xứ. Bốn vô lượng tâm như vậy, chỉ Thánh nhân có được; chẳng phải phàm phu có được.

Lại nữa, Phật biết các đệ tử đời vị lai vì căn độn nên phân biệt chấp trước các pháp, nói sai về tướng của Bốn vô lượng như vậy: “Bốn tâm vô lượng này duyên theo chúng sanh nên chỉ là hữu lậu; chỉ duyên theo Dục giới nên không có ở trong Vô sắc giới. Vì sao? Vì Vô sắc giới không duyên Dục giới”. Để dứt vọng kiến của hạng người ấy, nên Phật

nói Bốn tâm vô lượng ở trong Vô sắc giới. Phật nói vì Bốn tâm vô lượng duyên khắp mười phương chúng sanh nên cũng phải duyên Vô sắc giới; như trong lời hỏi của Bồ-tát Vô-tận-ý nói: “Từ có ba thứ là chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên”. Người viết luận nói: “Chúng sanh duyên là hữu lậu, vô duyên là vô lậu”. Pháp duyên hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Các nghĩa như vậy, được nói về Bốn tâm vô lượng.

Bốn vô sắc định là Hư-không-xứ, Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ. Bốn vô sắc này có ba loại:

- 1- Có cấu nhiễm
- 2- Sanh ra đã có được
- 3- Thực hành mà có được.

Có cấu nhiễm là trong Vô-sắc giới gồm có ba mươi một kiết sử, và tâm bất tương ưng hành pháp từ kiết sử ấy khởi lên. Sanh ra có được là thực hành vô sắc định; do nhân duyên của nghiệp báo ấy, nên khi sanh vào Vô sắc giới, được có bốn uẩn vô ký không ẩn mất. Thực hành mà có được là quán sắc ấy thô xấu, khổ trọng, già bệnh, sát hại v.v... là nhân duyên của các khổ não; như trọng bệnh, như ung nhọt, như mũi độc, đều là vọng ngữ hư dối, nên phải trừ bỏ. Suy nghĩ như vậy rồi, vượt qua hết thấy các sắc tướng, dứt hết thấy tướng có đối ngại; không nghĩ nhớ đến hết thấy tướng sai khác, mà nhập vào định Vô biên hư không xứ.

Hỏi: Làm sao diệt được ba loại tướng ấy?

Đáp: Ba loại tướng ấy đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên không có tự tánh; tự tánh không có nên ba loại tướng ấy hư dối không thật, dễ có thể diệt được.

Lại nữa, sắc ấy phân biệt từng phần phá tan, sau đó hoàn toàn không có; do sau không có nên nay cũng không. Chúng sanh vì điên đảo nên đối với sắc hòa hiệp chấp thủ tướng nhất tướng dị, tâm nhiễm trước theo sắc tướng; ta nay không nên học theo người ngu, mà nên tìm sự thật; trong sự thật không có tướng một, tướng khác.

Lại nữa, suy nghĩ rằng: Nếu ta trừ khước, xa lìa các pháp, thì được lợi ích sâu xa. Trước hết ta xả bỏ tài vật, vợ con mà xuất gia, trì giới thanh tịnh, tâm được an ổn không sợ không hãi, lìa các dục, các pháp ác bất thiện. Lìa dục sanh hỷ lạc, được vào Sơ thiên; lìa giác quán, bên trong thanh tịnh mà được vui mừng lớn trong đệ Nhị thiên, lìa thứ mừng của Nhị thiên mà ở vào đệ Tam thiên, được thứ vui đệ nhất trong các thứ vui. Bỏ thứ vui này mà được xả niệm thanh tịnh trong đệ Tứ thiên. Nay xả bốn thiên ấy nên lại được diệu định. Do vậy, vượt qua tướng sắc, diệt tướng có đối ngại, không niệm đến tướng sai khác.

Phật nói có ba thứ sắc: Có thứ sắc có thể thấy và có đối ngại, có thứ sắc không thể thấy và có đối ngại, có thứ sắc không thể thấy và không đối ngại. Vượt qua tướng sắc là chỉ cho sắc có thể thấy và có đối ngại; diệt tướng có đối ngại là chỉ cho sắc không thể thấy có đối ngại; không niệm tướng khác là chỉ cho sắc không thể thấy không đối ngại.

Lại nữa, mắt thấy sắc biến hoại, gọi là vượt qua sắc; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc biến hoại, gọi là vượt qua tướng sắc có đối ngại. Các sắc còn lại ngoài hai sắc trên, và vô giáo sắc (vô biểu sắc) các thứ phân biệt, gọi là tướng sắc sai khác. Quán như vậy thì xa lìa phần ô nhiễm trong sắc giới mà được vào Hư-không-vô-biên-xứ. Phương tiện nhân duyên để được ba vô sắc ấy, như trong Thiền Ba-la-mật nói rõ.

Bốn cõi định vô sắc ấy, một thường là hữu lậu (chỉ Phi-phi-tướng-xứ), ba định kia cần phân biệt: Hư-không-xứ hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Hữu lậu là bốn uẩn hữu lậu thuộc Hư-không-xứ; vô lậu là bốn uẩn vô lậu thuộc Hư-không-xứ, Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ cũng như vậy. Tất cả đều là hữu vi.

Hư-không-xứ thiện hữu lậu là hữu báo; Hư-không-xứ vô ký và vô lậu là vô báo; Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ cũng như vậy.

Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ; Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ thiện là hữu báo; Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ vô ký là vô báo.

Bốn vô sắc định thiện là nên tu; bốn vô sắc định vô ký là không nên tu.

Ẩn mất là có cấu nhiễm, không ẩn mất là không có cấu nhiễm. Một Phi-phi-tướng-xứ là có cấu nhiễm; trong ba xứ kia, nếu hữu lậu thì có cấu nhiễm, vô lậu thì không có cấu nhiễm.

Tâm tâm sở pháp thuộc bốn vô sắc định, là tương ứng nhân. Các tâm bất tương ứng hành là chẳng phải tương ứng nhân.

Có thiện pháp chẳng ở trong bốn định vô sắc, có trong bốn định vô sắc chẳng phải thiện pháp, cũng có thiện pháp cũng ở trong bốn định vô sắc, có chẳng thiện pháp cũng chẳng phải ở trong bốn định vô sắc.

Có thiện pháp không ở trong bốn định vô sắc là, tất cả sắc uẩn thiện và bốn uẩn thiện, và trí duyên tận để không thuộc bốn định vô sắc.

Có thứ ở trong bốn định vô sắc chẳng phải thiện pháp là bốn vô sắc vô ký.

Có thiện pháp cũng có bốn định vô sắc là bốn định vô sắc thiện.

Có thứ chẳng phải thiện pháp cũng chẳng phải bốn định vô sắc là, tất cả năm uẩn bất thiện; và sắc uẩn vô ký; và bốn uẩn vô ký thuộc bốn

định vô sắc; và hư không, và chẳng phải trí duyên tận đế.

Bốn định vô sắc và phép bất thiện không thuộc nhau.

Có pháp vô ký chẳng phải bốn định vô sắc; có bốn định vô sắc chẳng phải pháp vô ký; cũng có pháp vô ký cũng có bốn định vô sắc; có pháp chẳng phải vô ký cũng chẳng phải bốn định vô sắc.

Có pháp vô ký chẳng phải bốn định vô sắc là, sắc uẩn vô ký và bốn uẩn vô ký không thuộc bốn định vô sắc; và hư không; và chẳng phải trí duyên tận đế.

Có bốn định vô sắc chẳng phải vô ký pháp là, bốn định vô sắc thiện.

Cũng có pháp vô ký cũng bốn định vô sắc là, bốn định vô sắc vô ký.

Cũng chẳng phải pháp vô ký cũng chẳng phải bốn định vô sắc là, năm uẩn bất thiện, sắc uẩn thiện; bốn uẩn thiện không thuộc vô sắc và trí duyên tận đế.

Hoặc lậu mà chẳng phải bốn định vô sắc, hoặc bốn định vô sắc chẳng phải lậu; hoặc lậu cũng là bốn định vô sắc; hoặc chẳng phải lậu cũng chẳng phải bốn định vô sắc.

Lậu mà chẳng phải bốn định vô sắc là, một lậu (chỉ dục lậu) và một phần của hai lậu (hữu lậu, vô minh lậu).

Bốn định vô sắc chẳng phải lậu là, bốn định vô sắc không thuộc về lậu.

Cũng lậu mà cũng là bốn định vô sắc là, một phần của hai lậu (hữu lậu, vô minh lậu).

Chẳng phải lậu chẳng phải bốn định vô sắc là, sắc uẩn và bốn uẩn không thuộc bốn định vô sắc lậu, và pháp vô vi.

Hoặc hữu lậu mà chẳng phải bốn định vô sắc; hoặc bốn định vô sắc mà chẳng phải hữu lậu; hoặc hữu lậu cũng là bốn định vô sắc; hoặc chẳng phải hữu lậu chẳng phải bốn định vô sắc.

Hữu lậu mà chẳng phải bốn định vô sắc là, sắc uẩn hữu lậu và bốn uẩn hữu lậu không thuộc vô sắc.

Bốn định vô sắc mà chẳng phải hữu lậu là, một phần của ba vô sắc.

Cũng hữu lậu cũng bốn định vô sắc là, một vô sắc và một phần của ba vô sắc.

Cũng chẳng phải hữu lậu cũng chẳng phải bốn định vô sắc là, sắc uẩn vô lậu và bốn uẩn vô lậu không thuộc vô sắc, và ba vô vi pháp (hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi).

Hoặc vô lậu mà chẳng phải bốn cõi định vô sắc; hoặc bốn định vô sắc mà chẳng phải vô lậu; hoặc cũng vô lậu cũng bốn định vô sắc; hoặc chẳng phải vô lậu chẳng phải bốn định vô sắc.

Vô lậu mà chẳng phải bốn định vô sắc là, sắc uẩn vô lậu và bốn uẩn vô lậu không thuộc vô sắc, và ba pháp vô vi.

Bốn định vô sắc mà chẳng phải vô lậu là, một định vô sắc và một phần của ba định vô sắc kia.

Cũng vô lậu mà cũng bốn định vô sắc là, một phần của ba định vô sắc.

Chẳng phải vô lậu chẳng phải bốn định vô sắc là, sắc uẩn hữu lậu và bốn uẩn hữu lậu không thuộc vô sắc.

Hư không xứ hoặc kiến đế đoạn; hoặc tư duy đoạn; hoặc chẳng đoạn.

Kiến đế đoạn là tin vào pháp hành người hành theo chỗ biết pháp, dùng kiến đế nhãn (khổ pháp trí nhãn, tập pháp trí nhãn v.v...) mà đoạn, làm thế nào để hai mươi tám sử và tương ứng với hai mươi tám sử, Hư không xứ và các tâm khởi lên từ nó không tương ứng các hành.

Tư duy đoạn là, học theo kiến đạo và dùng tư duy mà đoạn, làm thế nào để tư duy đoạn ba sử và Hư-không-xứ tương ứng với ba sử và các tâm khởi lên từ nó không tương ứng với các hành và Hư-không-xứ vô cấu, vô lậu (không ẩn mất), hữu lậu.

Chẳng đoạn là, Hư-không-xứ vô lậu, Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ cũng như vậy

Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ, hoặc kiến đế đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Kiến đế đoạn là, người hành theo lòng tin và hành theo chỗ hiểu pháp, dùng kiến đế nhãn đoạn, làm thế nào để hai mươi tám sử và Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ tương ứng với hai mươi tám sử, và các tâm khởi lên từ nó không tương ứng với các hành.

Tư duy đoạn là, học theo kiến đạo và dùng tư duy mà đoạn, làm thế nào để tư duy đoạn ba sử, và phi hữu tướng phi vô tướng xứ tương ứng với ba sử, và các tâm khởi lên từ nó không tương ứng với các hành và phi hữu tướng phi vô tướng xứ vô cấu.

Các tâm bất tương ứng hành thuộc bốn định vô sắc là, chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở pháp, chẳng phải tâm tương ứng. Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn tương ứng với thọ. Tưởng là tâm sở pháp, cũng là tâm tương ứng; còn tâm, ý, thức thì chỉ là tâm.

Bốn định vô sắc hoặc tùy tâm hành mà không phải thọ tương ứng;

hoặc thọ tương ứng mà không phải tùy tâm hành; hoặc tùy tâm hành và cũng thọ tương ứng; hoặc chẳng phải tùy tâm hành và chẳng phải thọ tương ứng.

Tùy tâm hành mà chẳng thọ tương ứng là, các tâm bất tương ứng hành tùy tâm hành và thọ. Thọ tương ứng mà chẳng tùy tâm hành là tâm.

Tùy tâm hành và cũng thọ tương ứng là, tướng uẩn và hành uẩn tương ứng với nó.

Chẳng phải tùy tâm hành cũng chẳng phải thọ tương ứng là, trừ các tâm bất tương ứng hành tùy theo tâm hành, phần còn lại của các tâm bất tương ứng hành.

Tướng uẩn tương ứng, hành uẩn tương ứng, nên biết cũng như vậy.

Hư-không-xứ hoặc do thân kiến làm nhân, không trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc do thân kiến làm nhân cũng trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc không do thân kiến làm nhân cũng không trở lại làm nhân cho thân kiến.

Do thân kiến làm nhân không trở lại làm nhân cho thân kiến là, trừ các kiết sử do thấy Khổ đế đoạn ở đời quá khứ, hiện tại, và Hư-không-xứ tương ứng với nó; cũng trừ các biến kiết sử do thấy Tập đế đoạn ở trong quá khứ, hiện tại, và Hư-không-xứ tương ứng với nó; và trừ Hư-không-xứ tương ứng với thân kiến ở trong đời vị lai cũng trừ thân kiến sanh, già, trụ, diệt, phần còn lại của Hư-không-xứ hữu cấu.

Do thân kiến làm nhân cũng trở lại làm nhân cho thân kiến là, những gì ở trên kia làm ra.

Không do thân kiến làm nhân cũng không trở lại làm nhân cho thân kiến là, Hư-không-xứ vô cấu.

Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ cũng như vậy.

Bốn định vô sắc, tất cả đều có nhân duyên và cũng cho nhân duyên.

Hư-không-xứ hoặc là thứ đệ duyên (đẳng vô gián duyên) mà không cho thứ đệ duyên. Hoặc là thứ đệ duyên cũng cho thứ đệ duyên; hoặc chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên.

Hư-không-xứ là thứ đệ duyên mà không cho thứ đệ duyên là, trừ tâm tâm sở Hư-không-xứ muốn sanh ra trong đời vị lai, và tâm tâm sở Hư-không-xứ thuộc quá khứ hiện tại của A-la-hán trong lúc tối hậu chấm dứt.

Hư-không-xứ là thứ đệ duyên cũng cho thứ đệ duyên là, từ tâm tâm

sở Hư-không-xứ lúc tối hậu chấm dứt thuộc quá khứ, hiện tại A-la-hán; phần còn lại của tâm tâm sở như Hư-không-xứ quá khứ, hiện tại.

Hư-không-xứ chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên là, tâm tâm sở Hư-không-xứ muốn sanh trong đời vị lai, phần còn lại của tâm tâm sở Hư-không-xứ trong đời vị lai và các tâm bất tương ưng hành.

Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ cũng như vậy.

Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ hoặc là thứ đệ duyên mà chẳng cho thứ đệ duyên; hoặc là thứ đệ duyên mà cũng cho thứ đệ duyên; hoặc chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên.

Thứ đệ duyên chẳng cho thứ đệ duyên là, tâm tâm sở trong Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ muốn sanh trong đời vị lai và tâm tâm sở trong Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ đời quá khứ, hiện tại; lúc tối hậu diệt của A-la-hán và diệt thọ tưởng hoặc đã sanh hoặc muốn sanh.

Thứ đệ duyên cũng cho thứ đệ duyên là, trừ tâm tâm sở trong Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ lúc tối hậu diệt của A-la-hán đời quá khứ, hiện tại; phần còn lại của tâm tâm sở trong Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ đời quá khứ, hiện tại.

Chẳng phải thứ đệ duyên cũng chẳng cho thứ đệ duyên là, tâm tâm sở trong Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ sắp muốn sanh trong đời vị lai, phần còn lại của tâm tâm sở Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng-xứ trong đời vị lai; trừ tâm thứ đệ, các tâm bất tương ưng hành; phần còn lại của các tâm bất tương ưng hành.

Các tâm tâm sở pháp thuộc bốn định vô sắc đều có duyên và cũng cho sở duyên duyên.

Các tâm bất tương ưng hành thuộc trong bốn định vô sắc chẳng phải duyên mà cho sở duyên duyên.

Bốn định vô sắc đều là tăng thượng duyên cũng cho tăng thượng duyên.

Các cách phân biệt bốn định vô sắc như vậy, như trong A-tỳ-đàm đã nói rộng.

Hỏi: Trong Đại thừa nói bốn định vô sắc thế nào?

Đáp: Các pháp thật tướng cùng đi chung với trí tuệ, đó là bốn định vô sắc theo Đại thừa.

Hỏi: Thế nào là thật tướng các pháp?

Đáp: Các pháp, các pháp tự tánh không.

Hỏi: Sắc pháp do nhân duyên hòa hợp phân biệt cho nên không, còn trong vô sắc làm sao không?

Đáp: Sắc là thứ thô phù do mắt thấy, tai nghe được mà còn có thể thành không; huống các thứ không thể thấy, không đối ngại, không biết khổ vui, thì sao mà chẳng không?

Lại nữa, phân chia các pháp cho đến cực nhỏ, đều tán diệt về không; huống gì tâm tâm sở pháp này chỉ ở trong khoảng ngày tháng, thời tiết, giây phút cho đến chỉ một niệm cũng không thể nắm bắt được.

Ấy gọi là nghĩa của Bốn định vô sắc.

Các nghĩa như vậy, lược nói về Bốn định vô sắc.

